

徳島県中波放送局一覧

局名		周波数 (kHz)	送信出力 (W)
徳島	NHK第1	945	5k
	四国放送	1269	
池田	NHK第1	1161	100
	NHK第2	1359	1k
	四国放送	1269	
牟岐	NHK第1	1584	100
	四国放送	1269	
日和佐	四国放送	1269	100
山城	NHK第1	1503	50

徳島県FM放送局一覧

局名		周波数 (MHz)	送信出力 (W)
徳島	NHK	83.4	1k
	エフエム徳島	80.7	
池田	NHK	85.0	10
	エフエム徳島	82.3	
日和佐	NHK	85.7	100
	エフエム徳島	77.7	
神山	NHK	84.9	10
阿南	NHK	81.3	10
	エフエム徳島	78.4	
阿波	NHK	84.4	1
美馬	NHK	85.6	10
阿波勝浦	NHK	85.6	1
穴喰	NHK	89.9	1
鷲敷	NHK	82.0	10
上勝	NHK	82.4	3
東祖谷山	NHK	84.3	10
一字剪宇	NHK	83.9	1
一字	NHK	82.5	10
上那賀	NHK	83.0	30

徳島県FM補完中継局一覧

局名		周波数 (MHz)	送信出力 (W)
徳島	四国放送	93.0	1k
池田	四国放送	93.0	10
阿南	四国放送	93.9	10
日和佐	NHK	94.6	100
	四国放送	93.0	100